TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/DS-ST
Ngày: 27/02/2019
V/v tranh quyền sử dụng đất và yêu cầu di dời nhà và tài sản đi nơi khác.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Khon;

2. Ông Nguyễn Quốc Trí.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phiêu, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2017/TLST- DS ngày 24 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu di dời nhà và tài sản đi nơi khác, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXXST- DS ngày 30 tháng 05 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bùi Thị D, sinh năm: 1950;

1.2. Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm: 1977;

1.3. Nguyễn Văn Ph, sinh năm: 1980;

1.4. Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm: 1988;

1.5. Nguyễn Thị L, sinh năm: 1984;

1.6. Nguyễn Chí H, sinh năm: 1991

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

1.7. Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

1.8. Nguyễn Thị Bé M, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Ấp D, xã Ph, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến B, sinh năm: 1983, trú tại: Ấp A, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 15/11/2018). Có mặt

1.9. Nguyễn Tiến B, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Nguyễn Thị Kh, sinh năm: 1949;

2.2. Phạm Hữu Ngh, sinh năm: 1948;

2.3. Phạm Thị Kiều T, sinh năm: 1975;

2.4. Phạm Phong Ph, sinh năm: 1983

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

Đều vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập, tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc tham gia tố tụng với bên bị đơn): Tổ Hợp tác A

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hồ Văn G là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Tổ trưởng Tổ Hợp tác A). Có mặt.

4. Người làm chứng:

- Nguyễn Văn H, sinh năm: 1958

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt.

- Lê Thanh Ph, sinh năm: 1960

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt.

- Huỳnh Văn U, sinh năm: 1968

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 07/11/2016, các lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn là Nguyễn Tiến B đồng thời đại diện cho các nguyên đơn khác trình bày như sau:

Vào năm 1979, gia đình ông có đến canh tác đất, đào đìa, canh tác khai thác cá tôm, trồng cây lâu năm, làm lúa, đắp nên nhà ở trên phân đất 4.000m^2. Đến năm 1998 chủ đất cũ là ông Nguyễn Minh Đ đến đòi thành quả lao động phần đất trên. Lúc này gia đình ông có đến UBND xã T để làm tờ thỏa thuận về việc trả thành quả lao động và kết quả đầu tư trên đất sản xuất cho ông Nguyễn Minh Đ với số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), và sử dụng cho đến nay. Phần đất này thuộc các thửa 754, 1 phần thửa 755 và 1 phần thửa 1167 tờ bản đồ số 5, tại Ấp A, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp. Thửa 754 đã được cấp giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng do ông Nguyễn Văn L đứng tên; 1 phần thửa 755 và 1 phần thửa 1167 chưa cấp giấy cho tổ chức cá nhân nào.

Năm 1996 gia đình bà Kh hỏi ông L để cất tạm cái quán bán nước giải khác ngang 4m x dài 6m.

Năm 1999 gia đình bà Kh bán đất đang cất nhà ở gần đó rồi dời nhà đến cất trên phần đất này đến nay. Ngoài ra bà còn ngăn cản không cho gia đình ông sử dụng đất.

Yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết cho gia đình ông được quyền sử dụng phần đất nêu trên và buộc các bị đơn di dời đi nơi khác căn nhà cột thao lao, lợp ngói để trả lại diện tích đất cho gia đình ông.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Kh và ông Phạm Hữu Ngh trình bày: Vì phần đất ông bà đang cất nhà ở hiện nay ngang 20 mét, dài 40 mét là của ông Tư L. Thời điểm bắt đầu làm lộ năm 1990 đến năm 1998 ông bà thỏa thuận trả tiền làm giấy và ở cho đến nay. Còn đìa, bào gì không biết. Phần giáp đất ông Đ là 20 mét, phía ngoài cặp kênh xáng là 40 mét.

Ông bà cất nhà gỗ thao lao, lợp ngói loại nhà sàn ngang khoảng 6,5 mét, dài 10 mét, nhà phụ bằng gỗ ngang 2,5 mét dài 05 mét, phía sau có nhà vệ sinh nhà bếp nấu ăn (tổng ngang 04 mét, dài 02 mét), phần còn lại xung quanh trồng cây. Trước đây không có hầm hố. Ông bà có đi đến UBND xã T đăng ký quyền sử dụng đất nhưng không được, lý do đang ở dưới dốc cầu. Lúc làm đường lại năm 2009 - 2010, UBND xã T, Ban Quản lý dự án và UBND huyện Th hỗ trợ tiền cho gia đình và bồi thường các cây cối.

Không thống nhất theo yêu cầu của các nguyên đơn.

* Tại đơn khởi kiện ngày 10/09/2018, các lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên toà hôm nay, đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Văn G trình bày như sau: Năm 1979 Nhà nước có chủ trương làm lúa 2 vụ. Đến năm 1986 làm đường nước khai thác phục vụ tưới tiêu cho đến nay phần đường nước ngang 4m dài gồm nhiều đoạn có các cạnh gồm 3,6m, cạnh 6,8m, cạnh 23,34m, cạnh 23,34m, cạnh 25,53m, cạh 21,61m, diện tích 251,1m^2 thuộc 1 phần các thửa 754, 755, và 1167 tờ bản đồ số 05 tại Ấp A, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án.

Yêu cầu giải quyết cho Tổ Hợp tác được quyên tiếp tục sử dụng phần đường nước nêu trên và buộc phía gia đình ông B phải làm thủ tục giao giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất trên cho Tổ Hợp tác.

* Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 100 và 102 Luật Đất đai năm 2013

- Không chấp nhận việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn di dời nhà đi nơi khác;

- Chấp nhận 1 phần yêu cầu của nguyên đơn về tranh chấp đòi được quyền sử dụng đất.

- Chấp nhận yêu cầu của Tổ Hợp tác A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2]- *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Các bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc khởi kiện của nguyên đơn, người liên quan; thông báo về phiên hòa giải; triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt và không cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bị đơn và căn cứ vào các chứng cứ Tòa án thu thập được để làm căn cứ cho việc xét xử vụ án.

[3] - *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là vụ án tranh chấp về tranh quyền sử dụng đất và yêu cầu di dời nhà và tài sản đi nơi khác. Theo khoản 9 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng Dân sự, và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện.

[4] - *Về nội dung tranh chấp:* Xét thấy phần đất tranh chấp gồm:

[5] 1. Diện tích thực đo 579,8m^2, thuộc 1 phần thửa 1167, diện tích 33.629m^2 mục đích sử dụng: Thủy lợi, thuộc tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại Ấp A, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp, chưa cấp giấy cho tổ chức cá nhân nào.

[6] 2. Diện tích thực đo 739,40m^2 thuộc1 phần thửa 754, mục đích sử dụng Lúa, tờ bản đồ số 05, diện tích theo giấy chứng nhận 549m^2, tọa lạc tại Ấp A, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp, do ông Nguyễn Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 1 phần thửa 755, tờ bản đồ số 5, mục đích sử dụng hiện tại cây lâu năm, diện tích theo sổ mục kê là 1.575m^2, chưa cấp giấy cho tổ chức cá nhân nào.

[7] 3. Diện tích thực đo 132,80m^2 thuộc 1 phần thửa 755, tờ bản đồ số 5, mục đích sử dụng hiện tại cây lâu năm, diện tích theo sổ mục kê là 1.575m^2, tọa lạc tại Ấp A, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp. Chưa cấp giấy cho tổ chức cá nhân nào.

[8] Phần đất này có nguồn gốc của ông Đ. Vào khoảng năm 1978 – 1979, ông L (Cha ông B) bắt đầu canh tác, đào đìa, trồng cây lâu năm như còng, bạch đàn, tre, me nước và trồng lúa, ớt cho đến năm 1998, ông L có đến UBND xã T để làm tờ thỏa thuận về việc trả thành quả lao động và kết quả đầu tư trên đất sản xuất cho ông Nguyễn Minh Đ với số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), diện tích đất 4.000m^2 và sử dụng cho đến nay.

[9] - Xét thấy việc trình bày của bà Kh và ông Nghĩa trình bày phần ông bà sử dụng có nguồn gốc của ông Tư L giáp đất ông Đ là 20 mét, phía ngoài cặp kênh xáng là 40 mét là chưa có cơ sở chấp nhận. Vì theo lời trình bày của người làm chứng như ông Lê Thanh Ph nguyên chủ tịch UBND xã T thì phần đất tranh chấp này có nguồn gốc của ông Đ, gia đình ông B đã sử dụng ổn định và có thỏa thuận thành quả với ông Nguyễn Minh Đ là chủ đất cũ; bà Kh có 1 phần đất gần đó (cách khoảng 300m) diện tích 2.000m^2 và đã bán lại cho ông Sáu Nh, ông Sáu Nh bán lại cho ông G. Sau khi bán bà Kh dời nhà đến cất tại phần đất hiện giờ. Còn phần đất có nguồn gốc của ông Tư L diện tích khoảng 300m^2, tính từ mé kênh Cái Tre đo lên phạm vi khoảng hết nhà bà Kh, chiều dài khoảng hết phía sau hậu nhà bà Kh hiện giờ.

[10] Còn theo lời trình bày của ông G thì phần đất tranh chấp này có nguồn gốc của ông Đ, gia đình ông B đã sử dụng ổn định và có thỏa thuận thành quả với ông Nguyễn Minh Đ là chủ đất cũ. Phần đất gia đình bà Kh cất nhà ở hiện giờ cũng còn dính đến phần đất của gia đình ông B. Còn phần đất có nguồn gốc của ông Tư L chỉ còn khoảng 50-60m^2 tính từ mé kênh Cái Tre đo lên phạm vi khoảng đến nửa nhà bà Kh, chiều dài khoảng hết sàn nước phía sau hậu nhà bà Kh hiện giờ.

[11] Ngoài ra ông H còn có lời khai là trước đây lúc bà Kh chưa cất nhà trên phần đất tranh chấp này, phía ông L bà ba của ông B có thuê ông đào đất

mươn lộ làm ao bắt cá. Sau đó gia đình bà Kh dời nhà từ phần đất gần đó đến chỗ đất tranh chấp hiện giờ cất nhà ở đến nay. Từ đó đến giờ bà chỉ sử dụng trong phạm vi phần đất cất nhà, còn phần còn lại do phía gia đình ông L sử dụng.

[12] Từ đó cho thấy phần đất gia đình bà Kh cất nhà gỗ thao lao, lợp ngói loại nhà sàn có diện tích thực đo gồm nhà chính 74,5m^2, mái che 15m^2, sàn nước 8,9m^2, phần còn lại xung quanh trồng cây trên phần đất thuộc 1 phần thửa 1167 là 140m^2 và 1 phần thửa 754 là 45,6m^2, tổng diện tích sử dụng 185,6m^2 nêu trên. Gia đình bà Kh đã sử dụng ổn định từ trước năm 2003 đến nay. Do đó tiếp tục giao cho gia đình bà Kh sử dụng tiếp là phù hợp.

[13] - Xét đối với yêu cầu của Tổ Hợp tác A là có căn cứ. Vì phần đường nước này đã được sử dụng ổn định liên tục từ năm 1986 đến nay và việc sử dụng nhằm mục đích phục vụ lợi ích của người dân địa phương, đồng thời phía nguyên đơn là ông B cũng thống nhất theo yêu cầu của Tổ Hợp tác. Do đó chấp nhận yêu cầu của Tổ Hợp tác, giao cho Tổ Hợp tác được quyền sử dụng tiếp tục đường nước.

[14]- Về chi phí thẩm định và định giá: Các nguyên đơn và bị đơn phải chịu.

[15] - Về án phí: Các nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần không được Tòa án chấp nhận yêu cầu.

[16] Tổ Hợp tác A không phải chịu án phí thẩm định và chi phí định giá

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 100 và 102 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên Xử:

- Chấp nhận 1 phần yêu cầu của các nguyên đơn.

- Chấp nhận yêu cầu của Tổ Hợp tác A.

1. Tạm giao cho các ông, bà Bùi Thị D, Nguyễn Thị Ngọc G, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Thị Thúy H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Chí H, Nguyễn Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Bé M và Nguyễn Tiến B được quyền sử dụng phần đất gồm:

1.1. Diện tích: **136,4m^2**

- Mốc 01 đến mốc 25: 13,66m;

- Mốc 25 đến mốc 24: 10,16m;

- Mốc 24 đến mốc 17: 15,16m;

- Mốc 17 đến mốc 01: 9,06m;

1.2. Diện tích: **241,0m^2**

- Mốc 17 đến mốc 24: 15,16m;

- Mốc 24 đến mốc 32: 11,84m;

- Mốc 32 đến mốc 33: 04,10m;

- Mốc 33 đến mốc 34: 02,13m;

- Mốc 34 đến mốc 35: 03,52m;

- Mốc 35 đến mốc 18: 09,20m;

- Mốc 18 đến mốc 17: 15,00m

Thuộc 1 phần thửa 1167, diện tích 33.629m^2 mục đích sử dụng: Thủy lợi, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại Ấp A, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp, chưa cấp giấy cho tổ chức cá nhân nào.

2. Giao cho các ông, bà Bùi Thị D, Nguyễn Thị Ngọc G, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Thị Thúy H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Chí H, Nguyễn Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Bé M và Nguyễn Tiến B được quyền sử dụng phần đất gồm:

2.1. Diện tích: **109,00m^2**

- Mốc 9 đến mốc 10: 10,77m;

- Mốc 10 đến mốc 30: 09,00m;

- Mốc 30 đến mốc 31: 3,60m;

- Mốc 31 đến mốc 36: 21,56m;

- Mốc 36 đến mốc 9: 9,82m;

Thuộc 1 phần thửa 754, diện tích 549m^2, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại Ấp A, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp, do ông Nguyễn Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.2. Diện tích: **293,9m^2**

- Mốc 29 đến mốc 21: 8.72m;

- Mốc 21 đến mốc 27: 23,32m;

- Mốc 27 đến mốc 28: 6,40m;

- Mốc 28 đến mốc 29: 23,34m;

2.3. Diện tích: **334,60m^2**

- Mốc 21 đến mốc 20: 15,00m;

- Mốc 20 đến mốc 26: 21,43m;

- Mốc 26 đến mốc 27: 15,21m;

- Mốc 27 đến mốc 21: 23,32m;

Thuộc 1 phần thửa 754, diện tích 549m^2, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại Ấp A, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp, do ông Nguyễn Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 1 phần thửa 755, tờ bản đồ số 5, mục đích sử dụng hiện tại cây lâu năm, diện tích theo sổ mục kê là 1.575m^2, chưa cấp giấy cho tổ chức cá nhân nào.

3. Tạm giao cho các ông, bà Bùi Thị D, Nguyễn Thị Ngọc G, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Thị Thúy H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Chí H, Nguyễn Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Bé M và Nguyễn Tiến B được quyền sử dụng phần đất diện tích: **132,8m^2 gồm:**

- Mốc 11 đến mốc 12: 8,54,m;

- Mốc 12 đến mốc 13: 3,37m;

- Mốc 13 đến mốc 22: 12,33m;

- Mốc 22 đến mốc 21: 8,52m;

- Mốc 21 đến mốc 11: 15,52m

Thuộc 1 phần thửa 755, tờ bản đồ số 5, mục đích sử dụng hiện tại cây lâu năm, diện tích theo sổ mục kê là 1.575m^2, tọa lạc tại Ấp A, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp, chưa cấp giấy cho tổ chức cá nhân nào.

4. Tạm giao cho các ông, bà Nguyễn Thị Kh, Phạm Hữu Ngh, Phạm Thị Kiều T và Phạm Phong Ph được quyền sử dụng phần đất như sau:

Diện tích: **140m^2**

- Mốc 1 đến mốc 2: 03,17m;

- Mốc 2 đến mốc 3: 01,70m;

- Mốc 3 đến mốc 4: 01,37m;

- Mốc 4 đến mốc 5: 01,02m;

- Mốc 5 đến mốc 6: 02,97m;

- Mốc 6 đến mốc 7: 06,92m;

- Mốc 7 đến mốc 8: 04,34m;

- Mốc 8 đến mốc 15: 10,40m;

- Mốc 15 đến mốc 25: 02,66m;

- Mốc 25 đến mốc 01: 13,66m;

Thuộc 1 phần thửa 1167, diện tích 33.629m^2 mục đích sử dụng: Thủy lợi, thuộc tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại Ấp A, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp, chưa cấp giấy cho tổ chức cá nhân nào.

5. Giao cho các ông, bà Nguyễn Thị Kh, Phạm Hữu Ngh, Phạm Thị Kiều T và Phạm Phong Ph được quyền sử dụng phần đất diện tích 45,60m^2, gồm:

- Mốc 8 đến mốc 9: 4,67m;

- Mốc 9 đến mốc 36: 9,82m;

- Mốc 36 đến mốc 15: 4,67m;

- Mốc 15 đến mốc 8: 10,40m;

Thuộc 1 phần thửa 754, diện tích 549m^2, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại Ấp A, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp, do ông Nguyễn Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

6. Giao cho Tổ Hợp tác A được quyền sử dụng phần đường nước diện tích 251,10m^2, gồm:

6.1. Diện tích **12,7m^2:** (Có cóng ngầm dưới lòng đất), có các cạnh 30-11: 4,11m; 11-14: 2,8m; 14-31:4m; 31-30: 3,6m, thuộc 1 phần thửa 755, tờ bản đồ số 5, mục đích sử dụng hiện tại cây lâu năm, diện tích theo sổ mục kê là 1.575m^2, chưa cấp giấy cho tổ chức cá nhân nào.

6.2. Diện tích **149,20m^2:** Có các cạnh 15-16: 10,29m; 16-27: 2,2m; 27-28: 6,4m; 28-29: 23,34m; 29-14: 4m; 14-31: 4m; 31-15: 22,23m, thuộc 1 phần thửa 754, diện tích 549m^2, tờ bản đồ số 05, do ông Nguyễn Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 1 phần thửa 755, tờ bản đồ số 5, mục đích sử dụng hiện tại cây lâu năm, diện tích theo sổ mục kê là 1.575m^2, chưa cấp giấy cho tổ chức cá nhân nào.

6.3. Diện tích **26,40m^2:** Có các cạnh 16-27: 2,55m; 27-26:15,21m; 26-19:1,35m; 19-16: 15,39m, thuộc 1 phần thửa 754, diện tích 549m^2, tờ bản đồ số 05, do ông Nguyễn Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

6.4. Diện tích **62,80m^2** (25,80m^2 + 37,00m^2), (Có các cạnh 15-16: 10,29m; 16-19: 15,39m; 19-23: 2,68m; 23-32: 3,53m; 32-24: 11,84m; 24-25: 10,16m và

25-15: 2,65m), thuộc 1 phần thửa 1167, diện tích 33.629m^2 mục đích sử dụng: Thủy lợi, tờ bản đồ số 05, chưa cấp giấy cho tổ chức cá nhân nào.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Th thu hồi, điều chỉnh 1 phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 754, diện tích 549m^2, tờ bản đồ số 05, do ông Nguyễn Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cấp lại cho các ông, bà Nguyễn Thị Kh, Phạm Hữu Ngh, Phạm Thị Kiều T, Phạm Phong Ph và Tổ Hợp tác A đối với phần đất được Tòa án giao.

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng phần đất được Tòa án giao theo quy định.

Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình và sơ đồ đo đạc ngày 27/11/2017 và bổ sung ngày 10/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Th.

- Về chi phí:

+ Các ông, bà Bùi Thị D, Nguyễn Thị Ngọc G, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Thị Thúy H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Chí H, Nguyễn Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Bé M và Nguyễn Tiến B phải liên đới chịu chi phí thẩm định 2.673.571 đồng và chi phí định giá 400.000 đồng, tổng cộng: 3.037.571 đồng; số tiền này ông B đã nộp và chi xong.

+ Các ông bà Nguyễn Thị Kh, Phạm Hữu Ngh, Phạm Thị Kiều T, Phạm Phong Ph phải liên đới chịu chi phí thẩm định 2.673.571 đồng; số tiền này ông Nguyễn Tiến B đã nộp tạm ứng trước; các ông, bà Nguyễn Thị Kh, Phạm Hữu Ngh, Phạm Thị Kiều T và Phạm Phong Ph phải liên đới trả lại cho ông Nguyễn Tiến B số tiền 2.673.571 đồng.

- Về án phí:

+ Các ông, bà Bùi Thị D, Nguyễn Thị Ngọc G, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Thị Thúy H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Chí H, Nguyễn Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Bé M và Nguyễn Tiến B phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.180.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 617.000 đồng theo biên lai số 07529 ngày 24/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân huyện Th, tỉnh Đồng Tháp (do ông Nguyễn Văn L nộp); các ông, bà Bùi Thị D, Nguyễn Thị Ngọc G, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Thị Thúy H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Chí H, Nguyễn Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Bé M và Nguyễn Tiến B còn phải nộp 1.563.000 đồng.

+ Các ông bà Nguyễn Thị Kh, Phạm Hữu Ngh, Phạm Thị Kiều T và Phạm Phong Ph phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm 6.238.000 đồng.

+ Tổ Hợp tác A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Tổ Hợp tác A 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0004241 ngày 21/09/2018 của Chi cục Thi hành án dân huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND H. Thanh Bình;
- Tòa án ND. tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THADS H. Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án/Văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Dũ